

CÁCH VIẾT THÂN BÀI (1) - IELTS WRITING TASK 1

Lưu ý

Trong tất cả các câu hỏi xuất hiện ở IELTS Writing Task 1 từ trước đến nay đều có câu: **Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant.**

Tạm dịch: Tóm tắt lại thông tin bằng cách lựa chọn và trình bày những đặc điểm chính; đưa ra các so sánh, đối chiếu ở những phần liên quan.

Do đó, cần ghi nhớ rằng, nhiệm vụ của người viết không phải liệt kê, mà là so sánh (compare) và tương phản (contrast) thông tin qua các số liệu cụ thể. Rất nhiều thí sinh mắc sai lầm vì đã trình bày, liệt kê tất cả các thông tin, số liệu xuất hiện trên biểu đồ vào bài báo cáo, từ việc số liệu bắt đầu ở đâu, tăng giảm bao nhiêu, vào năm nào, đạt đỉnh năm nào, chạm đáy năm nào, kết thúc chỗ nào, và tương tự như vậy với tất cả các đối tượng được thể hiện trên biểu đồ. Thay vào đó, người viết cần biết gộp các thông tin liên quan đến nhau vào một nhóm (group information) và miêu tả nhóm thông tin đó để làm nổi bật lên xu hướng của số liệu.

Ngoài ra, người viết cũng không nên sa đà vào việc phân tích quá sâu một chi tiết mà bỏ lỡ những chi tiết khác cũng không kém phần quan trọng.

Đặc biệt, nếu đề bài có nhiều hơn một biểu đồ, nhất thiết người viết phải chỉ ra rằng chúng liên quan với nhau như thế nào. Thí sinh thường mắc sai lầm vì miêu tả rời rạc hai biểu đồ trong hai đoạn văn khác nhau mà không hề có so sánh, đối chiếu, khiến bài viết lủng củng, thiếu tính kết nối.

Chọn thông tin

Chúng ta đã biết rằng một lỗi sai mà rất nhiều thí sinh mắc phải trong IELTS Writing Task 1 là liệt kê tất cả các thông tin có trên biểu đồ, thay vào đó, phải chọn ra điểm nhấn để tập trung đi sâu. Dưới đây là những điểm chính, điểm đặc biệt mà người viết có thể lựa chọn để cho vào bài viết của mình:

- Xu hướng biến đổi
- Điểm bắt đầu, điểm kết thúc
- Điểm cao nhất, thấp nhất
- Điểm giao nhau
- Phạm vi giao động
- Những điểm ngoại lệ

Cần lưu ý rằng chúng ta không cần, và cũng không nên nêu hết tất cả những điểm này trong bài viết, việc lựa chọn một vài điểm trong những điểm sau phụ thuộc vào dạng câu hỏi đề bài cho và đặc điểm thông tin số liệu được nêu.

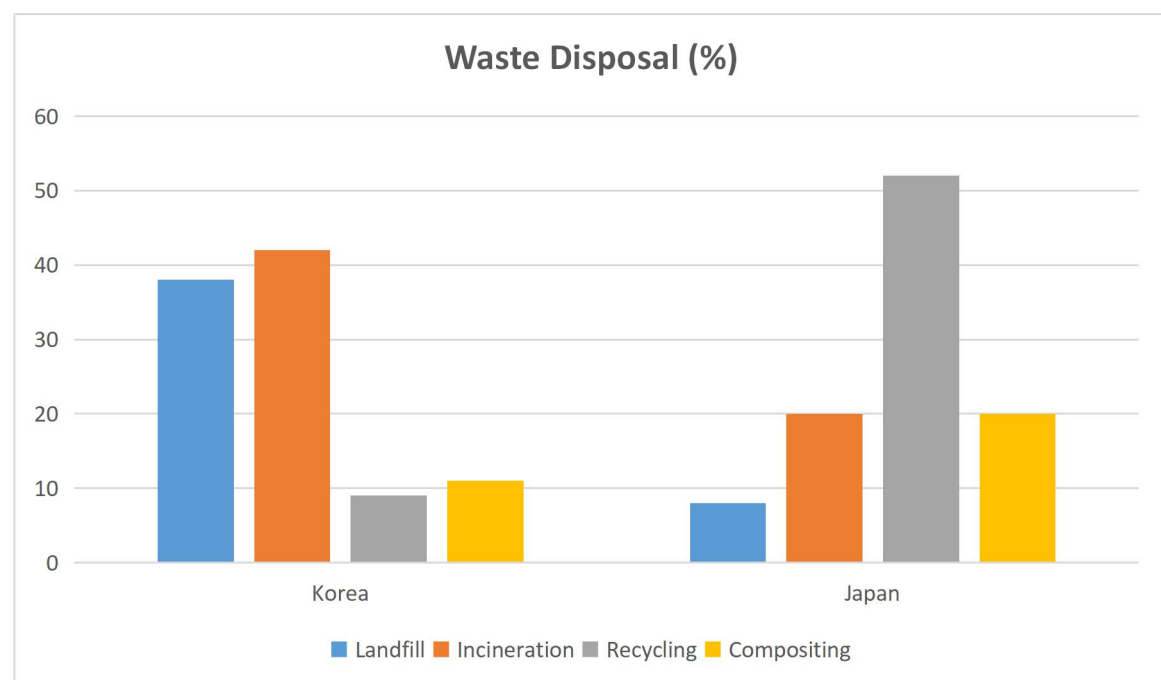
1. Biểu đồ không nhắc đến thời gian

Khi không có thông tin gì về mặt thời gian được ghi lại trên biểu đồ hoặc trong đề bài, chúng ta sẽ dùng thì hiện tại đơn để miêu tả các số liệu.

Cấu trúc thì hiện tại đơn:

- To be: is/are.
- Động từ thêm đuôi s/es với danh từ số ít và động từ giữ nguyên với danh từ số nhiều.

Ví dụ:



Korea **has** approximately 40 per cent of its waste disposal dedicated to landfill and incineration but only about 10 per cent **is** recycling and compositing. In sharp contrast, more than half the waste in Japan **is** recycled, whereas a small proportion, at 8%, **comes** to landfill.

2. Biểu đồ có thời gian nằm hoàn toàn trong quá khứ

Đây là dạng phổ biến nhất trong các đề thi IELTS Writing Task 1. Khi thời gian được nhắc đến trong biểu đồ là một mốc hoặc một khoảng thời gian hoàn toàn trong quá khứ thì chúng ta sẽ dùng các thì quá khứ để miêu tả các số liệu, cụ thể là thì quá khứ đơn và quá khứ hoàn thành.

Cấu trúc thì quá khứ đơn:

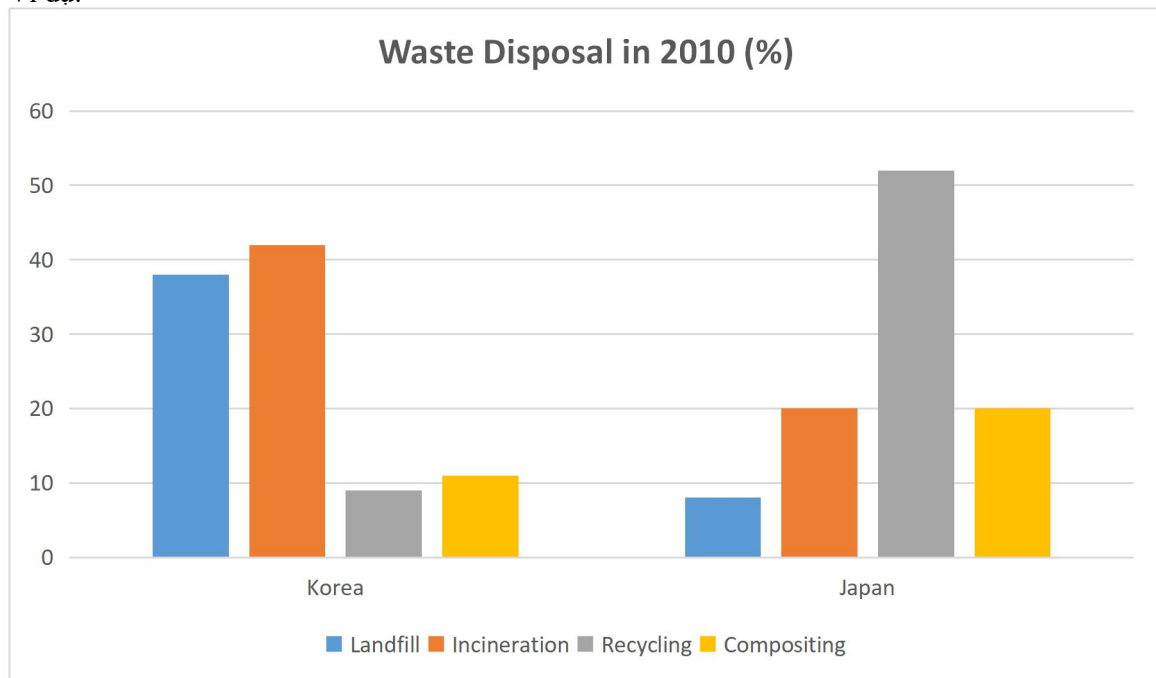
- To be: was/were.
- Động từ chia ở quá khứ, thường thêm đuôi “ed” với động từ theo quy tắc và thay đổi biến thể với động từ bất quy tắc.

Cấu trúc thì quá khứ hoàn thành:

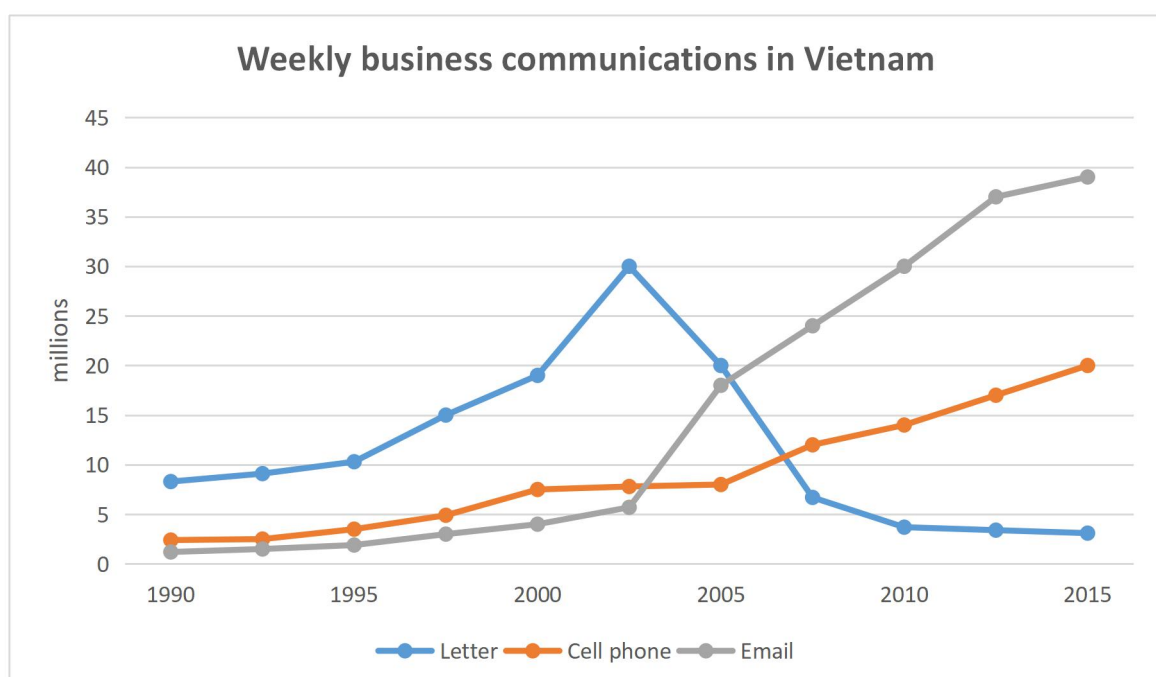
- Had + động từ chia ở phân từ 2

Trong đó, thì quá khứ hoàn thành dùng để nhấn mạnh một hành động diễn ra trước một thời điểm cụ thể nào đó trong quá khứ. Nói một cách đơn giản, trong IELTS Writing Task 1, nếu có hai thời điểm trong quá khứ được nhắc đến trong câu thì cái nào xảy ra trước, chúng ta dùng thì quá khứ hoàn thành, cái nào xảy ra sau, chúng ta dùng thì quá khứ đơn.

Ví dụ:



Korea **had** approximately 40 per cent of its waste disposal dedicated to landfill and incineration but only about 10 per cent **was** recycling and compositing. In sharp contrast, more than half the waste in Japan **was** recycled, whereas a small proportion, at 8%, **came** to landfill.



In the begining, letter **was** a popular form of communication, at about 8 million. Subsequently, letter **had increased** in number to peak at 30 million before it **suffered** from a rapid decline by roughly 27 million in the end. In sharp contrast, after the usage of cell phone and email **had grown** gradually from just around 3 to 7 million in the first half of the period, the figures **rose** dramarically to finish at 20 and 40 million use per week, respectively.

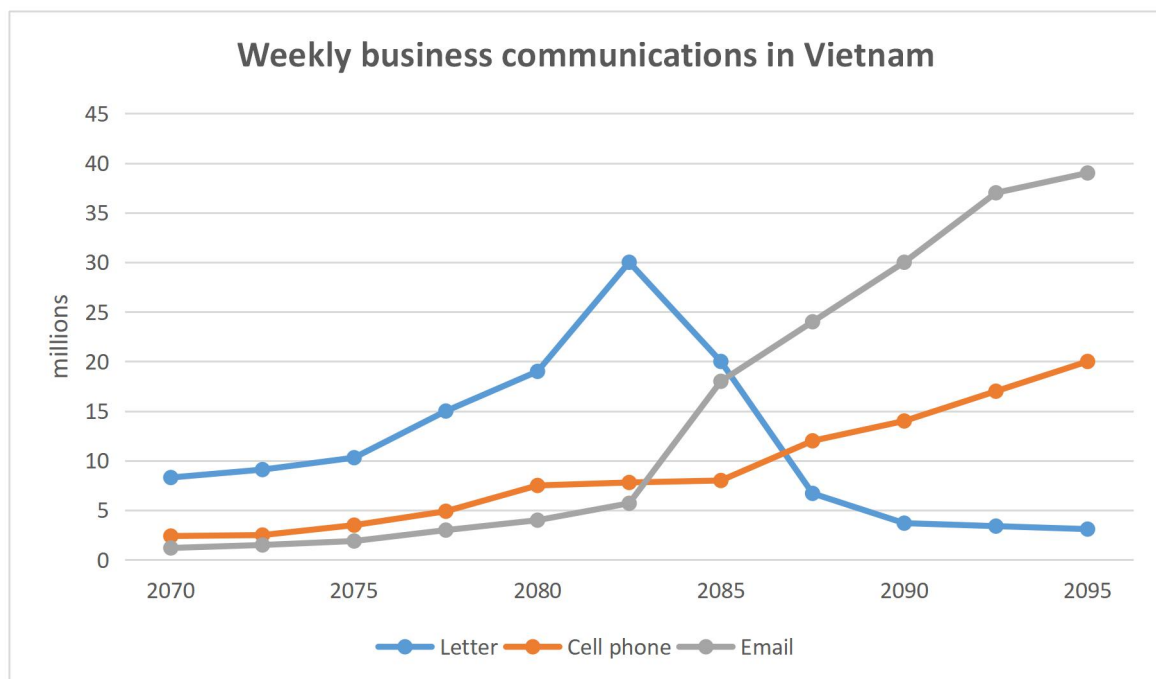
Lưu ý: Không nhất thiết phải dùng quá khứ hoàn thành cho hành động xảy ra trước, thực tế vẫn có thể dùng quá khứ đơn được trong trường hợp chúng ta không chắc chắn về cách dùng của loại thì này. Tuy nhiên, người viết được khuyến khích dùng quá khứ hoàn thành khi có thể để đa dạng mẫu câu và cấu trúc ngữ pháp dùng trong bài, vốn là tiêu chí thứ tư trong bốn tiêu chí chấm điểm được đề ra.

3. Biểu đồ có thời gian nằm hoàn toàn trong tương lai

Khi biểu đồ có thời gian nằm hoàn toàn trong tương lai, chúng ta sử dụng các dạng thức tương lai để miêu tả số liệu. Có hai nhóm phổ biến được dùng trong IELTS Writing Task 1:

- will (sẽ) + động từ nguyên mẫu
- is estimated/projected/predicted to (được dự đoán) + động từ nguyên mẫu

Ví dụ:



In 2070, letter **will be** a popular form of communication, at about 8 million. Subsequently, letter **is predicted to increase** in number to peak at 30 million before it **is estimated to suffer** from a rapid decline by roughly 27 million in the end. In sharp contrast, after the usage of cell phone and email **is projected to grow** gradually from just around 3 to 7 million in the first half of the period, the figures **will rise** dramarically to finish at 40 and 20 million use per week, respectively.

4. Biểu đồ có thời gian từ quá khứ đến tương lai

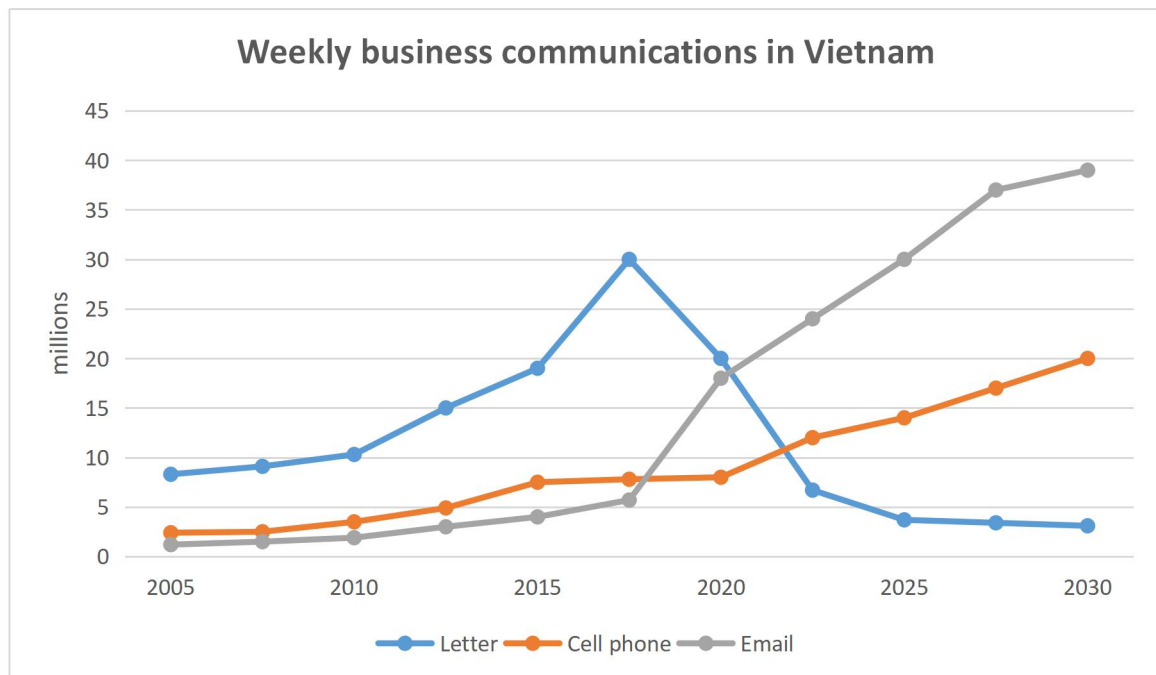
Một dạng phổ biến nữa của IELTS Writing Task 1 là những biểu đồ có thời gian bao gồm cả quá khứ, hiện tại và tương lai. Ví dụ, từ năm 1997 đến 2050 hoặc từ năm 1945 đến 2030.

Khi gặp những biểu đồ này, người viết sẽ phải kết hợp linh động và đa dạng cả ba nhóm thì: quá khứ, hiện tại, và tương lai.

Cụ thể:

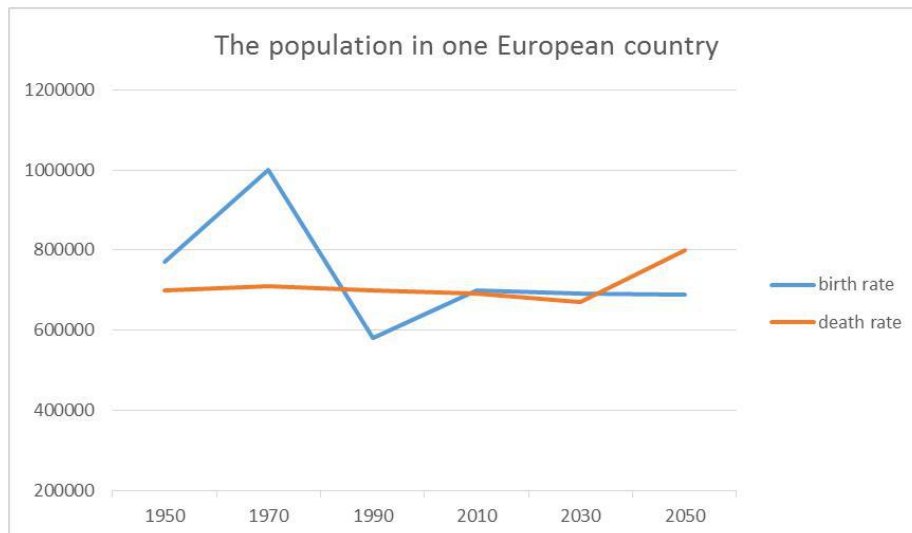
- Khi miêu tả số liệu ở thời gian trong quá khứ (năm 1910-1920), dùng **quá khứ đơn hoặc quá khứ hoàn thành**.
- Khi miêu tả số liệu ở thời gian trong tương lai (tháng 7/2040), dùng tương lai **will, is estimated/projected/predicted**.
- Khi miêu tả số liệu thay đổi từ quá khứ đến tương lai (năm 1990-2050), không nên gộp chung cho một động từ, mà nên tách câu làm hai vế, hai động từ với hai thì khác nhau. Đoạn số liệu từ quá khứ đến hiện tại thì dùng **hiện tại hoàn thành**, đoạn số liệu từ hiện tại đến tương lai thì dùng tương lai **will, is estimated/projected/predicted**.

Ví dụ:



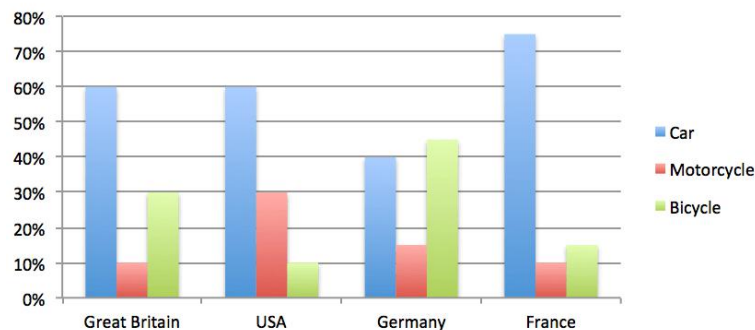
In the beginning, letter **was** a popular form of communication, at about 8 million. Subsequently, letter **increased** in number to peak at 30 million before it **is predicted to suffer** from a rapid decline by roughly 27 million in the end. In sharp contrast, after the usage of cell phone and email **have grown** gradually from just around 3 to 7 million in the first half of the period, the figures **will continue to rise** dramatically to finish at 40 and 20 million use per week, respectively.

Bài tập 1. Chia thì phù hợp cho các động từ trong các câu miêu tả sau.



1. The birth rate (stand) _____ at nearly 800,000 in 1950.
2. The birth rate (fluctuate) _____ for 60 years before it (start) _____ to level off at around 700,000 in 2010.
3. The death rate (remain stable) _____ since 1950 before it (to be expected) _____ to start increasing in 2030.
4. The birth rate (experience) _____ a decrease between 1970 and 1990.
5. The birth rate (go up) _____ by nearly 800,000 before it (reach) _____ a peak of 100,000 in 1970.

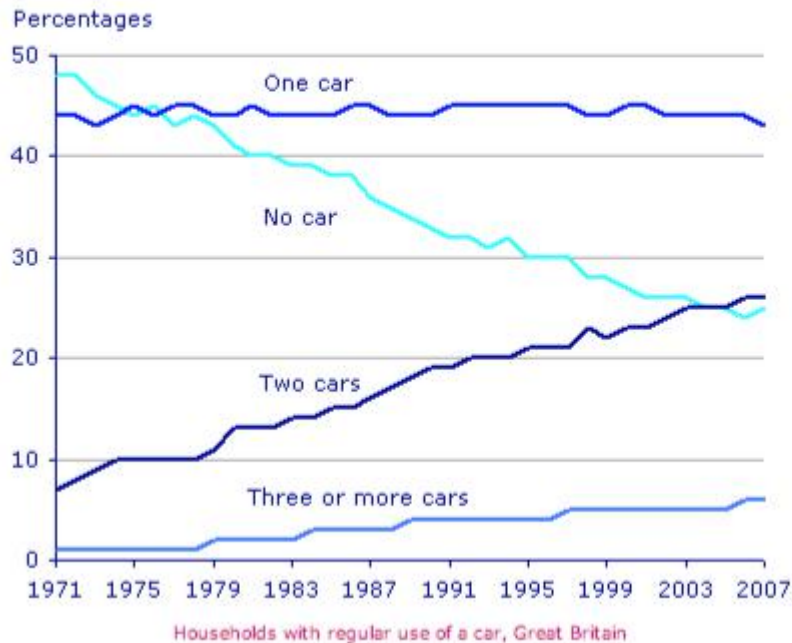
Transport preferences among young people from different countries



6. Car (to be) _____ the most favourable means of transport among the young in Great Britain, the USA and France (60%, 60% and 74% respectively).
7. While car (seem) _____ to be very popular transport in all four countries, motorcycle (to be) _____ just voted by a small proportion of young people, only 10% to 30%.

Bài tập 2. Chia thì phù hợp cho các động từ trong bài miêu tả sau.

The graph below gives information about car ownership in Britain from 1971 to 2007.



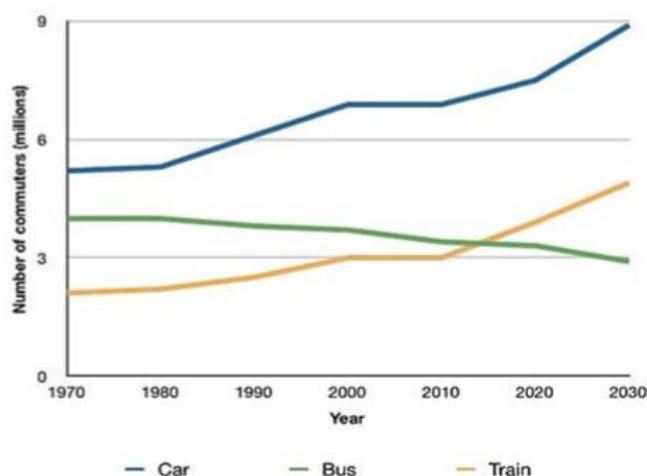
The graph (1)_____ (illustrate) car ownership by household in Great Britain between 1971 and 2007. As can be seen, the number of car owned within a family (2)_____ (rise) throughout the period. However, the number of households with one car (3)_____ (remain) relatively constant.

At the beginning of the period, nearly half of all households (4)_____ (have) no car. Nevertheless, this figure steadily (5)_____ (decrease) to finish at around 25% in 2007. There (6)_____ (be) a considerable growth in the proportion of household across Britian (7)_____ (own) two cars over the course of time. Starting from just about 8% in 1971, it (8)_____ (overtake) no car's figure to reach approximately 28% in the end.

Unlike the two categories above, which (9)_____ (undergo) remarkable changes, the fractions of households with one car and with three or more cars (10)_____ (stay) quite stable. The one-car household (11)_____ (be) the most common type over most of the period, (12)_____ (stand) at roughly 45%. In sharp contrast, it (13)_____ (be) uncommon for families to own three or more cars, just around 2% of households (14)_____ (fall) into this category in 1971 before the figure slightly (15)_____ (increase) to 7% in the end.

Bài tập 3. Chia thì phù hợp cho các động từ trong bài miêu tả sau.

The graph below shows the average number of UK commuters travelling each day by car, bus or train between 1970 and 2030



The line graph (1) _____ (depict) the changes in the means of transport used by UK workers over a period of 60 years, commencing from 1970. Overall, while car and train (2) _____ (become) more and more popular, the use of bus (3) _____ (show) a downward tendency.

In 1970, the number of commuters travelling by car and train (4) _____ (stand) at 5 million and 2 million respectively. These two figures (5) _____ (increase) steadily before they (6) _____ (start) to level off from 2000 to 2010. Then, both (7) _____ (undergo) a noticeable rise and (8) _____ (be projected) to follow this trend to finally reach a peak of 9 million and 5 million in 2030. Even though having the same pattern throughout the period, train (9) _____ (be) always less common than car among UK commuters.

In contrast, there (10) _____ (be) a small drop in the quantity of bus users since 1970. Starting at 4 million, the number of people who commute by bus (11) _____ (gradually decrease) and (12) _____ (keep on) declining to only 3 million in the end, the lowest level among the three types.